

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 57/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 06 tháng 01 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Quỹ phát triển đất tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật NSNN ngày 12/12/2002;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ bổ sung về quy định 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Quỹ phát triển đất tỉnh Phú Thọ: Quỹ phát triển đất Phú Thọ là tổ chức tài chính Nhà nước trực thuộc ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ; Quỹ có tư cách pháp nhân được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định của pháp luật; có vốn điều lệ và bảng cân đối kế toán riêng.

Trụ sở quỹ: Đặt tại Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Phú Thọ.

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận.

2. Quỹ hoạt động theo Điều lệ và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ về tổ chức hoạt động, quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất.

Điều 4. Giao Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ tổ chức triển khai, thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh: Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quý, Giám đốc Quỹ phát triển đất, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Dân Mạc (Đã ký)

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG, QUẢN LÝ,
SỬ DỤNG QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 57/QĐ-UBND

ngày 06 tháng 01 năm 2011 của ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Quy chế này quy định về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất (sau đây gọi tắt là Quỹ) trực thuộc ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Quỹ là tổ chức tài chính Nhà nước, trực thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, do ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ có chức năng nhận vốn từ nguồn tiền sử dụng đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và huy động các nguồn khác theo quy định để ứng dụng vốn và chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc và phương thức hoạt động của Quỹ

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, bù đắp chi phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II**NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN****Điều 4. Nhiệm vụ của Quỹ**

1. Tiếp nhận nguồn vốn theo quy định tại Điều 10 Điều lệ về tổ chức, hoạt động, quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất.
2. Ứng vốn cho các tổ chức để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, và c Khoản 1 Điều 11 của Điều lệ này; thực hiện thu hồi vốn đã ứng dụng quy định.
3. Ứng vốn cho ngân sách Nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 11 của Điều lệ này.
4. Báo cáo Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đình chỉ, thu hồi vốn đã ứng, kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, đơn vị vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng, kinh phí hỗ trợ.
5. Quản lý vốn và tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật.
6. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.
7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 5. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành Quỹ hoạt động theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.
2. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan thẩm định nhu cầu chi phí hỗ trợ trình Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; thực hiện thu hồi các khoản chi hỗ trợ theo quy định.
3. Quyết định ứng vốn cho các tổ chức theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 4 nêu trên và thực hiện thu hồi vốn ứng khi đến hạn hoặc thu hồi theo quyết định của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Tham gia kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình, dự án, đề án đã được Quỹ ứng dụng vốn hoặc hỗ trợ.

5. Kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về phạm vi, đối tượng được ứng vốn, được chi hỗ trợ từ Quỹ.

6. Ban hành Quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động Quỹ.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm:

- Hội đồng quản lý Quỹ;
- Ban kiểm soát Quỹ;
- Bộ máy điều hành Quỹ.

Điều 7. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 05 thành viên gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:

- a) Chủ tịch Hội quản lý Quỹ do một Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh đảm nhiệm;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ (kiêm Giám đốc quỹ) do Giám đốc Sở Tài chính đảm nhiệm;
- c) Các thành viên khác là lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng.

Các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Hội đồng quản lý Quỹ bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách trong trường hợp cần thiết.

Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tham dự. Nội dung và kết luận các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ đều phải được ghi thành biên bản hoặc nghị quyết và được gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách từ các nguồn thu từ đất và các nguồn vốn khác giao cho Quỹ theo quy định của pháp luật;

b) Được sử dụng con dấu của Quỹ để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ và một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát;

đ) Thông qua kế hoạch tài chính và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ;

e) ủy quyền cho Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ. Người được ủy quyền chia trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền. Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các nội dung ủy quyền;

g) Quyết định ứng vốn và thực hiện chi hỗ trợ theo quy định:

h) Trình ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương thức tổ chức, bộ máy quản lý và chế độ tiền lương, tiền thưởng của bộ máy quản lý Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;

i) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phân việc được phân công trước Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật;

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát Quỹ có 03 thành viên gồm: Trưởng ban do Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ; các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

Thành viên Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm theo quy định.

Thành viên Ban kiểm soát Quỹ không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức triển khai thực hiện;

b) Theo dõi tình hình quản lý, sử dụng Quỹ;

c) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị biện pháp xử lý.

3. Trưởng ban kiểm soát hoặc thành viên của Ban kiểm soát do Trưởng ban kiểm soát ủy quyền được tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành nghiệp vụ Quỹ.

5. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

6. Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban kiểm soát, trưởng ban kiểm soát có quyết báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 9. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ:

1. Cơ quan điều hành Quỹ phát triển đất có 7 người, gồm:

- Giám đốc Quỹ (là Phó chủ tịch Hội đồng Quỹ) là Giám đốc Sở Tài chính, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

- Phó giám đốc Quỹ (kiêm Trưởng phòng nghiệp vụ).

- Phòng nghiệp vụ, gồm: 1 Kế toán trưởng, 1 cán bộ văn phòng kiêm thủ quỹ và 4 chuyên viên kiêm nhiệm;

a) Giám đốc Quỹ do Giám đốc Sở Tài chính đảm nhiệm được Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Phó Giám đốc Quỹ (kiêm trưởng phòng nghiệp vụ) do Giám đốc Quỹ đề nghị, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm;

c) Cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của phòng chuyên môn cơ quan điều hành Quỹ do Giám đốc quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Cơ quan điều hành hoạt động nghiệp vụ Quỹ:

- Hoạt động theo chế độ chuyên trách có 3 đồng chí, gồm: Phó giám đốc Quỹ (kiêm Trưởng phòng nghiệp vụ), Kế toán trưởng và cán bộ văn phòng kiên thủ quý.

- Hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm 4 đồng chí.

2. Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm của Quỹ, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt;

b) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ theo quy định, các chương trình, kế hoạch và quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Quyết định ứng vốn và thực hiện chi hỗ trợ theo quy định.

d) Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình tiếp nhận vốn, ứng vốn, chi hỗ trợ và các hoạt động khác của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền quy chế làm việc và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ;

e) Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc; Kế toán trưởng.

g) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy các quy định của pháp luật.

3. Phó Giám đốc Quỹ (kiêm trưởng phòng nghiệp vụ) thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Giám đốc Quỹ vắng mặt, Giám đốc Quỹ ủy quyền cho Phó Giám đốc Quỹ thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc Quỹ.

4. Kế toán trưởng có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật kế toán.

5. Phòng nghiệp vụ có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao.

Chương IV

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ

Điều 10. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ bao gồm vốn Nhà nước cấp và các nguồn vốn khác.

1. Nguồn vốn Nhà nước cấp:

a) Mức vốn Nhà nước cấp cho Quỹ 200 tỷ đồng, do ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Khi quyết định thành lập Quỹ cấp lần đầu 20 tỷ đồng. Việc thay đổi vốn Nhà nước cấp trong quá trình hoạt động do ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Hàng năm, trích 30% từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh (sau khi trừ các khoản chi để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác) để đảm bảo hình thành đủ mức vốn Nhà nước cấp cho Quỹ theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều này.

2. Các nguồn vốn khác của Quỹ gồm: vốn viện trợ, taif trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quy định về quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ

1. Quỹ được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất để tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tạo quỹ và phát triển quỹ đất để đầu tư giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực đã có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển nhượng trước khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức phát triển các khu tái định cư phục vụ việc thu hồi đất thực hiện các dự án; tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý đấu giá;

b) Ứng dụng cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

c) Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

d) Ứng vốn cho ngân sách Nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các đề án đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp cho các đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất;

đ) Ứng vốn cho ngân sách Nhà nước để chi hỗ trợ khoản chênh lệch cho hộ gia đình, cá nhân và khu tái định cư trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu;

e) Ứng vốn cho ngân sách Nhà nước để chi hỗ trợ xây dựng khu tái định cư; hỗ trợ xây dựng các công trình hạ tầng tại địa phương có đất bị thu hồi.

2. Thẩm quyền quyết định mức ứng vốn để sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này được quy định như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ quyết định đối với các trường hợp tổng dự toán thực hiện cho 01 dự án từ 05 tỷ đồng trở lên;

- Phó chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ kiêm Giám đốc Quỹ quyết định đối với các trường hợp tổng dự toán thực hiện cho 01 dự án dưới 05 tỷ đồng.

3. Mức chi hỗ trợ cho các nhiệm vụ quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này do Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định trình Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 12. Trình tự, thủ tục ứng vốn, chi hỗ trợ

1. Căn cứ dự toán thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Tổ chức phát triển Quỹ đất, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị, thị lập hồ sơ, tờ trình gửi Quỹ phát triển đất tỉnh về nhu cầu ứng vốn để thực hiện dự án.

2. Căn cứ hồ sơ, tờ trình của UBND các huyện, thành, thị gửi đến, Quỹ phát triển đất kiểm tra, thẩm định trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức ứng vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này.

Điều 13. Hoàn trả vốn ứng và các khoản chi hỗ trợ

1. Hoàn trả vốn ứng:

Tổ chức được ứng vốn để thực hiện những nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 11 của Điều lệ này có trách nhiệm hoàn trả vốn đã ứng từ các nguồn sau:

a) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch sau đó Nhà nước giao cho nhà đầu tư theo hình thức

giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê nhưng được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì được hoàn trả từ vốn đầu tư của dự án;

b) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch sau đó Nhà nước giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thì được hoàn trả từ ngân sách địa phương;

c) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch sau đó đấu giá quyền sử dụng đất đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án trên đất thì được hoàn trả từ tiền đấu giá quyền sử dụng đất hoặc tiền sử dụng đất thu được thông qua đấu thầu được khi nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định;

d) Đối với vốn ứng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các khu, điểm, nhà tái định cư để tạo lập quỹ nhà đất phục vụ tái định cư cho người bị thu hồi đất thì được hoàn trả từ nguồn thu tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư của đối tượng được bố trí tái định cư; trường hợp nguồn thu từ tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư không đủ để hoàn trả thì ngân sách địa phương hoàn trả phần chênh lệch.

2. Hoàn trả các khoản chi hỗ trợ:

Tổ chức được giao nhiệm vụ chi hỗ trợ cho những nhiệm vụ quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 11 của Điều lệ này có trách nhiệm hoàn trả từ các nguồn sau:

a) Trường hợp các khoản chi hỗ trợ đã nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn vốn để hoàn trả thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp các khoản chi hỗ trợ không nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì do ngân sách địa phương chi trả; trường hợp ngân sách địa phương chưa bố trí để thực hiện chi trả thì Quỹ có trách nhiệm chi trả và được ngân sách địa phương bố trí hoàn trả.

Điều 14. Phí ứng vốn, các loại thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước.

I. Phí ứng vốn:

1. Khi ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất, UBND các huyện, thành, thị để sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 11 của Điều lệ này không thu phí ứng dụng vốn (mức phí ứng vốn = 0).

2. Đối với vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ khác, mức phí ứng vốn được xác định bằng mức phí ứng vốn ngân sách Nhà nước.

II. Thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước đối với Quỹ phát triển đất quy định tại Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ thực hiện theo Thông tư số 151/2010/TT-BTC ngày 27/9/2010 của Bộ Tài chính.

Chương V

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 15. Cơ chế tài chính

Quỹ thực hiện cơ chế tài chính như đơn vị sự nghiệp công lập, được ngân sách Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động.

Điều 16. Nguồn thu của Quỹ

1. Nguồn thu của Quỹ bao gồm:

a) Kinh phí ngân sách Nhà nước cấp cho Quỹ theo cơ chế áp dụng như đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;

b) Phí ứng vốn theo quy định tại Điều 14 của Điều lệ này;

c) Lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (nếu có);

d) Nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ;

đ) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn thu của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm nguồn vốn Nhà nước cấp của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều 10 của Điều lệ này.

Điều 17. Nội dung chi

1. Nội dung chi của Quỹ bao gồm:

a) Chi lương và các khoản phụ cấp theo chế độ quy định.

b) Chi văn phòng phẩm, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa tài sản phục vụ các nhiệm vụ của Quỹ.

c) Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất phục vụ cho hoạt động của Quỹ do ủy ban nhân dân tỉnh giao.

d) Các khoản chi khác có liên quan phục vụ các nhiệm vụ của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung chi của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm các nội dung chi ứng vốn và hỗ trợ quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.

Điều 18. Chế độ kế toán, kiểm toán

1. Quỹ tổ chức thực hiện công tác, thống kê, báo cáo đúng các quy định của pháp luật.

2. Việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.